

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày 06 tháng 8 năm 2025
*“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Sứ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ.

2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị C; địa chỉ: Khu phố Thanh Bình, phường B tỉnh Đồng Nai; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc S; địa chỉ: , Tổ 3, phường Th, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2024, bản tự khai, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Giữa Bà Trần Thị C và ông Trần Ngọc S; trú tại: tổ 3 (trước đây là tổ 6, phường Yên Thế), phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai có quen biết nhau do ông S là bạn của con Bà C nên ông S có vay tiền của Bà C như sau: Ngày 03/01/2020, ông

S vay số tiền 3.000.000.000 đồng và ngày 30/9/2020 vay số tiền 820.000.000 đồng; tổng cộng vay 3.820.000.000 đồng. Khi vay tiền, ông S có thể chấp Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00818 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp ngày 11/11/2011.

Sau đó ông S trả được 1.500.000.000 đồng, còn lại ông S chưa trả mặc dù Bà C đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc S trả nợ gốc còn lại là 2.320.000.000 đồng. Bà C không yêu cầu trả lãi. Bà C sẽ trả Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Ch 00818 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp ngày 11/11/2011 khi ông S trả hết nợ.

Đối với bị đơn ông Trần Ngọc S:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn: Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Trần Ngọc S không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Đảm bảo tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý, giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và không chấp hành theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 117, 328, 351, 385, 463, 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 4; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 41; khoản 2 Điều 97, Điều 180, Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 298, Điều 299 BLTTDS; Căn cứ Điều 146, Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị C về việc buộc ông Trần Ngọc S có nghĩa vụ trả cho Bà C số tiền nợ còn lại là 2.320.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng do nguyên đơn có yêu cầu và phải chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã nộp tạm ứng.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật. Qua xác minh nơi cư trú của bị đơn thì tại thời điểm xác minh ngày 06/01/2025, ông Trần Ngọc S có đăng ký thường trú tại 75 Tr, phường Th, tỉnh Gia Lai (trước đây là phường Y) nên Tòa án nhân dân khu vực – Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Việc xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Trần Thị C trình bày: Do quen biết nhau nên ông Trần Ngọc S đã vay tiền của bà như sau: ngày 03/01/2020 vay số tiền 3.000.000.000 đồng, ngày 30/9/2020 vay số tiền 820.000.000 đồng; tổng cộng là 3.820.000.000 đồng. Sau đó, ông S đã trả được 1.500.000.000 đồng, số còn lại đến nay chưa trả là 2.320.000.000 đồng.

Xét thấy: Giữa Bà C và ông S có xác lập giao dịch vay tài sản bằng tiền. Việc vay tiền được Bà C xuất trình chứng cứ phù hợp là bản gốc giấy vay tiền ngày 03/01/2020 và ngày 30/9/2020, thể hiện ông S có vay tiền, không xác định thời hạn vay. Bị đơn là ông Trần Ngọc S không cung cấp chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình. Do đó, có căn cứ xác định giao dịch vay tài sản này phù hợp với các quy định của pháp luật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ các Điều 351, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự 2015, bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi bên cho vay đòi lại tiền và báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Quá trình vay, ông S đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả tiền, do vậy có việc Bà C đã đòi lại tài sản và báo trước cho ông S biết.

Nguyên đơn không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Ngọc S phải trả cho Bà Trần Thị C số tiền gốc còn nợ là 2.320.000.000 đồng.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 020027 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00818) do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp ngày 11/11/2011 cho tên người sở hữu ông Trần Văn Cảnh, bà Nguyễn Thị Thu Sương. Giữa ông S và Bà C không lập Hợp đồng thế chấp tài sản nên Bà Trần Thị C cần trả lại cho ông Trần Ngọc S bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 020027 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00818) do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 11/11/2011 cho tên người sở hữu ông Trần Văn Cảnh, bà Nguyễn Thị Thu S.

[4] Án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 78.400.000 đồng.

Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.021.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu thông báo nên phải chịu và nguyên đơn đã nộp đủ.

[6]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 117, 351, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Trần Thị C.

1. Buộc bị đơn ông Trần Ngọc S trả cho Bà Trần Thị C số tiền nợ gốc là 2.320.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bà Trần Thị C trả lại cho ông Trần Ngọc S bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 020027 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00818) do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 11/11/2011 cho tên người sở hữu ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Thu S.

3. Về án phí: Buộc ông Trần Ngọc S phải nộp 78.400.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Trần Thị C phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.021.000 đồng, Bà C đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Sứ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Thị Lệ

Tô Thị Lành

Hoàng Thị Sứ